

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Tùng Lâm	Chủ tịch
Ông Trịnh Ngọc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thắng	Ủy viên
Ông Trần Huy Tường	Ủy viên
Ông Bùi Quang Bách	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2012)
Ông Nguyễn Phú Dũng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

PHỤC HƯNG
A
NH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tuyệt đối và đáng tin cậy cho Ban Tổng Giám đốc,



Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2013



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32nd Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3227/2013/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 31 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") từ trang 5 đến trang 35 kèm theo. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1402/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		398.059.523.875	402.625.657.870
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.992.722.848	12.510.882.548
1. Tiền	111	V.1	15.992.722.848	12.510.882.548
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.550.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.550.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		183.748.958.806	161.520.775.155
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	154.896.846.608	147.840.306.378
2. Trả trước cho người bán	132		14.315.423.295	10.641.911.573
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	16.536.666.161	3.530.342.003
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.999.977.258)	(491.784.799)
IV. Hàng tồn kho	140		181.387.404.493	211.007.507.853
1. Hàng tồn kho	141	V.4	181.387.404.493	211.007.507.853
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.930.437.728	17.580.942.314
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		842.473.955	2.238.608.889
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.236.040.916	1.281.780.784
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	108.138
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	14.851.922.857	14.060.444.503
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		144.134.313.636	161.299.854.298
II. Tài sản cố định	220		21.215.053.324	25.874.050.963
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	21.205.231.106	25.856.276.056
- Nguyên giá	222		39.708.860.755	43.498.830.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.503.629.649)	(17.642.554.799)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	9.822.218	17.774.907
- Nguyên giá	228		73.727.720	83.727.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.905.502)	(65.952.813)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		99.736.546.933	100.011.904.933
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	11.525.000.000	11.525.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	88.544.501.611	88.544.501.611
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	724.642.000	700.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.057.596.678)	(757.596.678)
V. Tài sản dài hạn khác	260		23.182.713.379	35.413.898.402
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	22.476.653.099	35.288.458.122
3. Tài sản dài hạn khác	268		706.060.280	125.440.280
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		542.193.837.511	563.925.512.168

C * M S C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		386.395.804.996	400.721.915.365
I. Nợ ngắn hạn	310		383.761.598.862	396.133.341.688
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	140.981.796.571	104.761.222.127
2. Phải trả người bán	312		111.120.387.040	117.287.638.793
3. Người mua trả tiền trước	313		53.477.992.588	73.173.513.704
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	21.504.513.002	14.948.150.894
5. Phải trả người lao động	315		2.650.827.493	6.019.850.199
6. Chi phí phải trả	316	V.14	2.438.680.075	16.613.185.252
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	49.020.740.867	61.396.786.493
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		750.000.000	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.816.661.226	1.932.994.226
II. Nợ dài hạn	330		2.634.206.134	4.588.573.677
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	2.634.206.134	4.462.036.934
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	126.536.743
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		155.798.032.515	163.203.596.803
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	155.798.032.515	163.203.596.803
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		109.999.770.000	109.999.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.600.598.130	36.600.598.130
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.063.367.327	1.573.493.594
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.046.567.500)	(1.046.567.500)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.921.154.201	1.921.154.201
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.042.290.745	2.841.753.778
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		217.419.612	11.313.394.600
TỔNG NGUỒN VỐN	440		542.193.837.511	563.925.512.168



Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Ngô Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trần Phương Hiền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	519.786.934.323	591.847.384.248
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	519.786.934.323	591.847.384.248
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	491.949.311.751	553.187.530.358
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.837.622.572	38.659.853.890
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.772.653.460	6.678.099.039
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	18.838.741.957	13.784.623.269
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.491.070.790	12.175.815.076
8. Chi phí bán hàng	24		1.237.385.986	2.917.173.751
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.791.082.270	18.332.767.770
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.256.934.181)	10.303.388.139
11. Thu nhập khác	31	VI.5	6.994.797.147	7.016.045.267
12. Chi phí khác	32	VI.6	3.520.443.354	6.168.061.303
13. Lợi nhuận khác	40		3.474.353.793	847.983.964
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.7	217.419.612	11.151.372.103
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	1.353.897.443
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		217.419.612	9.797.474.660
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	20	897



Cao Tùng Lâm
 Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Ngô Thị Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng

Trần Phương Hiền
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01		443.459.164.510	641.535.393.459
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(420.545.886.314)	(560.166.779.669)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(43.324.894.491)	(41.062.702.978)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(21.027.427.703)	(25.214.985.330)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(883.136.178)	(1.048.672.458)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		22.819.601.857	21.659.975.066
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(14.766.011.260)	(30.187.674.732)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(34.268.589.579)	5.514.553.358
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(4.490.083.974)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		3.266.930.579	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(9.985.982.650)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	21.565.799.477
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(26.500.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		90.755.656	647.341.670
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.357.686.235	(18.762.925.477)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	920.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	(1.046.567.500)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		310.890.645.993	275.680.334.903
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(276.497.902.349)	(286.420.901.863)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.920.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		34.392.743.644	(18.787.134.460)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.481.840.300	(32.035.506.579)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.510.882.548	44.546.389.127
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	15.992.722.848	12.510.882.548

17
NC
HỆ
T
Ổ
C
/A



Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Ngô Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trần Phương Hiền
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÀU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010 và các lần sửa đổi. Tiền thân của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 06 năm 2002).

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2001.

Ngày 05 tháng 11 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PHC.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101311315 thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 09 năm 2011, vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng chẵn) và vốn điều lệ của Công ty là 109.999.770.000 đồng (một trăm linh chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn đồng chẵn), tổng số cổ phần tương ứng là 10.999.977 cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings có tất cả 03 chi nhánh, 03 công ty con, 03 công ty liên doanh và 01 công ty liên kết. Cụ thể bao gồm:

Các Chi nhánh:

- Chi nhánh Miền Nam tại số 680 Trương Công Định, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tầng 4, Tòa nhà Me Kong Tower, số 235-237, 239-241 đường Cộng Hòa, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh; và
- Chi nhánh Thăng Long tại tầng 3 tòa nhà HH2, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Các Công ty con:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7
- Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng

Công ty liên doanh

- Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic
- Công ty Cổ phần Bất động sản Phục Hưng
- Công ty Cổ phần Bất động sản Nghệ An

Công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Việt Hưng

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 185 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 239 người).

1/20/11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101311315 thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 09 năm 2011, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình Silô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực);
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Khoan khảo sát địa chất và xử lý nền móng công trình;
- Thiết kế công trình (thiết kế tổng thể mặt bằng, kết cấu), công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; và
- Thiết kế công trình (thiết kế kiến trúc, tổng thể mặt bằng, nội ngoại thất: đối với công trình dân dụng, công nghiệp...).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, bao gồm Báo cáo của Văn phòng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty (Chi nhánh Miền nam, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh Thăng Long) và không bao gồm Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên doanh liên kết của Công ty. Giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc. Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con, công ty liên doanh liên kết trong một báo cáo khác.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

13/10/12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính. Đồng thời Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

PHỤC HƯNG
HOLDINGS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi được trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, phần mềm quản lý năng suất lương được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - ĐN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các công ty liên doanh là các công ty mà Công ty có quyền đồng kiểm soát các hoạt động của các công ty này, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và yêu cầu sự nhất trí cao về các quyết định tài chính và hoạt động.

Các khoản vốn góp vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh là một khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm một số khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa, chi phí quyền được mua căn hộ chung cư tại CT2 Trung Văn và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm. Chi phí thuê Văn phòng HH2 - Yên Hòa được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê văn phòng là 50 năm. Chi phí quyền được mua sản phẩm của dự án từ Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic (gọi tắt là "Liên doanh") được phân bổ vào khoản mục "Hàng hóa bất động sản" (giá mua các sản phẩm của dự án từ Liên doanh) tương ứng với phần sản phẩm của dự án mà Liên doanh đã bán cho Công ty.

MS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

11/01/12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo hướng dẫn của Nghị định 127/2008/NĐ - CP của Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2008.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	671.451.692	380.518.583
Tiền gửi ngân hàng	15.321.271.156	12.130.363.965
Cộng	15.992.722.848	12.510.882.548

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ban QLDA ĐT XD các Công trình Bảo Việt	170.549.000	5.228.002.556
Công An tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2.404.206.000	891.156.000
Công ty ĐT và phát triển điện Sông Ba	160.534.348	210.534.348
Công ty Cổ phần ĐT và XD Công trình 557	9.838.921.747	2.347.888.780
Công ty cổ phần ĐT và XD HUD4	2.026.597.780	2.478.747.250
Công ty Cổ phần Hoá chất Đức Giang Lào Cai	-	227.699.750
Công ty Cổ phần phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	9.287.557.241	7.851.199.161
Công ty CP Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	5.744.977.332	15.866.419.995
Công ty Cổ phần xây dựng số 14	174.000.000	466.316.864
Công ty Cổ phần xi măng Mai Sơn	10.567.785.707	10.729.226.455
Công ty CP Đầu tư dầu khí Toàn Cầu	8.510.646.491	12.507.427.998
Công ty CP thực phẩm sữa TH	19.338.067.764	8.721.249.657
Công ty CP XM Bim Sơn	6.116.155.616	4.745.540.369
Công ty CP XM Quán Triều VVMI	7.665.033.937	6.514.634.086
Công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi	14.719.920.074	8.876.572.717
Công ty TNHH MTV NXB TMMT và bán đồ VN	-	568.992.000
Công ty TNHH phát triển nhà Viettel - Hancic	15.389.172.910	6.714.319.000
Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản NH á Châu	9.954.057.930	6.431.837.730
Công ty TNHH xây lúá Mi Việt Nam	1.236.293.965	765.856.234
Công ty CP XD Bạch Đằng 234	2.901.002.619	6.318.145.504
Công ty CP xi măng vật liệu xây dựng xây lắp Đà Nẵng	10.195.399.461	12.172.358.461
Khách hàng nhận quyền mua căn hộ	-	3.189.437.093
Tổng Công ty CP ĐTXD và thương mại Việt Nam	7.630.134.647	6.934.371.942
Các đối tượng khác	10.865.832.039	17.082.372.428
Cộng	154.896.846.608	147.840.306.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	16.536.666.161	3.530.342.003
- Các cá nhân	4.815.818.161	3.530.342.003
- Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic (*)	7.220.848.000	
- Công ty CP Cơ giới và Xây dựng Thăng Long (**)	3.000.000.000	-
- Công ty CP Xây dựng số 6 Thăng Long (**)	1.500.000.000	-
Cộng	16.536.666.161	3.530.342.003

(*) Lợi nhuận được chia theo thông báo của Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic.

(**) Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings góp vốn bằng tiền vào Công ty Cổ phần Cơ giới & Xây dựng Thăng Long và Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 Thăng Long lần lượt theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HDHTDT và số 103/HDHTDT về việc Đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng, chung cư cao tầng và dịch vụ tại xã Kim Nỗ - huyện Đông Anh - TP Hà Nội

4. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.101.186.823	-
Công cụ, dụng cụ	77.165.553	53.531.410
Chi phí SXKD dở dang	156.389.381.024	178.525.007.555
Hàng hóa	22.819.671.093	32.428.968.888
Cộng	181.387.404.493	211.007.507.853

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	14.745.659.857	13.421.561.503
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	106.263.000	638.883.000
Cộng	14.851.922.857	14.060.444.503

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	29.935.911.379	11.449.897.357	1.622.835.424	490.186.695	43.498.830.855
Mua trong năm	71.536.091	-	136.411.817	-	207.947.908
Tăng do phân loại lại	484.360.475	369.697	3.327.759.028	-	3.812.489.200
Thanh lý, nhượng bán	(2.960.135.693)	(364.678.000)	(536.187.166)	(134.189.876)	(3.995.190.735)
Giảm do phân loại lại	-	(3.629.092.381)	-	(186.124.092)	(3.815.216.473)
Tại ngày 31/12/2012	27.531.672.252	7.456.496.673	4.550.819.103	169.872.727	39.708.860.755
GIÁ TRỊ HAO MÔN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	11.419.222.495	4.616.359.783	1.390.464.205	216.508.316	17.642.554.799
Khấu hao trong năm	3.295.017.570	923.676.372	597.584.019	38.209.845	4.854.487.806
Tăng do phân loại lại	6.818.908	369.697	-	-	7.188.606
Thanh lý, nhượng bán	(2.958.357.914)	(364.678.000)	(536.187.166)	(134.189.876)	(3.995.412.956)
Giảm do phân loại lại	-	(6.058.301)	-	(1.130.305)	(7.188.606)
Tại ngày 31/12/2012	11.762.701.059	5.169.669.551	1.451.861.058	119.397.980	18.503.629.649
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	18.516.688.884	6.833.537.574	232.371.219	273.678.379	25.856.276.056
Tại ngày 31/12/2012	15.768.971.192	2.286.827.122	3.098.958.045	50.474.747	21.205.231.106

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty với giá trị là 8.884.612.763 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 7.725.750.229 đồng).

Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 12.036.307.126 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 17.194.724.466 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	73.727.720	10.000.000	83.727.720
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.000.000)	(10.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	73.727.720	-	73.727.720
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	55.952.813	10.000.000	65.952.813
Khấu hao trong năm	7.952.689	-	7.952.689
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.000.000)	(10.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	63.905.502	-	63.905.502
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	17.774.907	-	17.774.907
Tại ngày 31/12/2012	9.822.218	-	9.822.218

8. Đầu tư vào công ty con

Công ty con	Tại ngày 31/12/2012		Tại ngày 01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	(Cổ phần)	(VND)	(Cổ phần)	(VND)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	275.000	3.025.000.000	275.000	3.025.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	650.000	6.500.000.000	650.000	6.500.000.000
Cộng		11.525.000.000		11.525.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

TT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2012	Hoạt động chính
1.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	Hà Nội	55%	3.025.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công nhà cao tầng, các kết cấu bê tông cốt thép); Xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi,...
2.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	Thanh Hóa	40%	2.000.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị, và khu công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực),...
3.	Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng	Hà Nội	65%	6.500.000.000	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán bán vật liệu và thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Bán bán máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khai khoáng trong xây dựng; Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng.

Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, và theo đó Công ty không nắm giữ được hơn 50% quyền biểu quyết, nhưng theo Điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, Công ty được quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của của công ty này. Theo đó, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7 vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty và được trình bày là công ty con của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tầng 3 nhà HH2, P. Yên Hòa
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B 09-DN
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc, đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**9. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim số 03/NQ-HĐQT, ngày 04 tháng 01 năm 2009, Công ty đồng ý mua toàn bộ phần vốn góp và quyền lợi của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic. Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & XNK Phục Hưng Constrexim (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) (bên nhận chuyển nhượng) ngày 5 tháng 11 năm 2009, Công ty đã mua lại 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic với số tiền mua là 110.218.000.000 đồng. Công ty ghi nhận chi phí mua 30% giá trị số sách của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Liên doanh với số tiền là 30.736.160.000 đồng vào khoản mục "Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh". Phần còn lại Công ty ghi nhận vào khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" (Thuyết minh số V.11).

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết như sau:

Nội dung đầu tư	Tại ngày 31/12/2012		Tại ngày 01/01/2012	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)
Góp vốn vào Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic	-	30.736.160.000		30.736.160.000
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Việt Hưng	1.055.152	11.808.341.611	1.045.834	11.808.341.611
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Phục Hưng	2.100.000	42.000.000.000	2.100.000	42.000.000.000
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Nghệ An	400.000	4.000.000.000	400.000	4.000.000.000
Cộng		88.544.501.611		88.544.501.611

10. Đầu tư dài hạn khác

Nội dung đầu tư	Tại ngày 31/12/2012		Tại ngày 01/01/2012	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)
Góp vốn vào Công ty CP Kiến trúc Phục Hưng	70.000	700.000.000	70.000	700.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.332	24.642.000	-	-
Cộng		724.642.000		700.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	3.741.207.730	9.205.822.583
Chi phí thuê văn phòng HH2	2.903.827.180	2.973.243.544
Chi phí mua quyền được mua sản phẩm của dự án từ Liên doanh (*)	15.831.618.189	23.109.391.995
Cộng	22.476.653.099	35.288.458.122

(*) Chi phí để có quyền được mua sản phẩm của dự án từ Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic

12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Đông Đô	114.148.981.243	84.350.402.815
Ngân hàng TMCP Quân Đội	22.402.362.438	17.620.519.311
Các khoản vay khác	4.430.452.890	2.790.300.001
Cộng	140.981.796.571	104.761.222.127

- Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 114.148.981.243 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 36032.2012/HĐTDHM ngày 10 tháng 07 năm 2012 với hạn mức dư nợ tối đa là 117 tỷ đồng. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn rút vốn của Hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Các khoản vay trên chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 165.11.062.642224.TD ngày 29/09/2011 với tổng hạn mức dư nợ tối đa là 130 tỷ đồng. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 31/01/2013. Các khoản vay chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Công ty sử dụng quyền đòi nợ từ hợp đồng thi công công trình số 12/2010/VH ngày 10/5/2010 giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic để thế chấp cho các khoản vay (Hợp đồng thế chấp số 62.11.062.642224.DB).
- Khoản vay ngắn hạn khác theo các hợp đồng vay vốn lưu động được ký kết giữa Công ty với các cá nhân khác. Các khoản vay cá nhân khác không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất từ 15% đến 17%/năm trên chi phí đi vay tùy thuộc vào từng hợp đồng vay, lãi suất này không cố định có thể thay đổi căn cứ vào biến động lãi suất của ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo sự thỏa thuận của hai bên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	15.703.360.819	8.400.492.507
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.580.281.109	6.490.516.876
Thuế thu nhập cá nhân	220.871.074	57.141.511
Cộng	21.504.513.002	14.948.150.894

14. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí xây lắp	1.219.749.551	15.684.966.691
Trích trước chi phí bán hàng	1.218.930.524	928.218.561
Cộng	2.438.680.075	16.613.185.252

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	816.782.859	664.057.195
Bảo hiểm xã hội	364.132.373	621.350.427
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.500.000.000
Phải trả cổ tức năm 2011	7.622.983.900	-
Phải trả phải nộp khác:	40.216.841.735	58.611.378.871
+ Phải trả các Đội xây dựng công trình	23.057.927.140	31.440.801.715
+ Các khoản phải trả khác	17.158.914.595	27.170.577.156
Cộng	49.020.740.867	61.396.786.493

16. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đồng Đô	976.984.900	2.069.855.800
Ngân hàng TMCP Quân đội	1.657.221.234	2.392.181.134
Cộng	2.634.206.134	4.462.036.934

==
T
N
H
T
N
T
Đ
T
=

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

Vay dài hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01.36032/2011/HĐTĐTH ngày 27 tháng 04 năm 2011 với thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để nhập khẩu Cầu rút bê tông. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có để thế chấp khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 976.984.900 đồng.

Vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Điện Biên Phủ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 111.11.062.642224.TD ngày 12 tháng 09 năm 2011 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ với Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (từ ngày 9 tháng 9 năm 2011 đến ngày 8 tháng 9 năm 2014). Khoản vay chịu lãi suất từ 14% đến 16% theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư khung giàn giáo và đầu tư vận thăng lồng. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.588.800.000	1.973.670.900
Trong năm thứ hai	1.045.406.134	1.480.800.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	1.007.566.034
Cộng	2.634.206.134	4.462.036.934

11/11/11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	100.000.000.000	37.234.865.500	1.573.493.594	(1.554.267.370)	1.921.154.201	2.841.753.778	21.469.859.031	163.486.858.734
Phát hành cổ phiếu	9.999.770.000	-	-	(1.046.567.500)	-	-	-	8.953.202.500
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	9.797.474.660	9.797.474.660
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(634.267.370)	-	1.554.267.370	-	-	-	920.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(17.919.951.000)	(17.919.951.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(1.665.965.091)	(1.665.965.091)
	-	-	-	-	-	-	(368.023.000)	(368.023.000)
Chỉ bổ sung thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2010								
Tại ngày 01/01/2012	109.999.770.000	36.600.598.130	1.573.493.594	(1.046.567.500)	1.921.154.201	2.841.753.778	11.313.394.600	163.203.596.803
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	217.419.612	217.419.612
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.622.983.900)	(7.622.983.900)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	489.873.733	-	-	3.200.536.967	(3.690.410.700)	-
Tại ngày 31/12/2012	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	1.921.154.201	6.042.290.745	217.419.612	155.798.032.515

Theo nghị quyết số 01.NQ/2012/PH-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 04 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, Công ty trích lập quỹ Dự trữ bổ sung vốn Điều lệ với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2011 (tương ứng 489.873.733 đồng). Cũng theo Nghị quyết này, Công ty trả cổ tức với tỷ lệ cổ tức/cổ phần là 7% (tương ứng 7.622.983.901 đồng) và trích quỹ Dự phòng tài chính với số tiền là 1.684.617.027 từ lợi nhuận sau thuế năm 2011, trích lập quỹ Dự phòng tài chính từ lợi nhuận sau thuế còn lại các năm trước số tiền 1.515.919.940 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.999.977	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.939.977	9.940.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	110.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	110.000	100.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.889.977	9.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.829.977	9.840.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phần

Số cổ phần bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu là số cổ phần có nguồn gốc từ việc năm 2003 Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam (Constrexim Holdings) góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) bằng thương hiệu.

18. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh VI.1 và VI.2.

Trong năm, Công ty thi công các công trình ở khắp mọi miền đất nước. Tuy nhiên các công trình của Công ty chủ yếu được thi công trên địa bàn các tỉnh phía Bắc.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	483.159.956.509	526.255.482.051
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	12.171.025.402	15.171.240.712
Doanh thu từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở	24.455.952.412	50.420.661.485
Cộng	519.786.934.323	591.847.384.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	458.829.816.962	496.317.893.151
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.121.924.174	13.387.978.462
Giá vốn từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở	21.997.570.615	43.481.658.745
Cộng	491.949.311.751	553.187.530.358

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	169.729.460	638.716.706
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.602.924.000	6.039.382.333
Cộng	5.772.653.460	6.678.099.039

4. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	17.491.070.790	12.175.815.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	155.256.478
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	300.000.000	757.596.678
Chi phí tài chính khác	1.047.671.167	695.955.037
Cộng	18.838.741.957	13.784.623.269

5. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu phí sử dụng thương hiệu	175.672.870	142.533.097
Thu từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	3.015.391.435	943.929.536
Thu từ cho thuê thiết bị	617.856.631	792.384.663
Thu nhập từ bán vật liệu xây lắp cho các công ty con	834.353.062	836.812.334
Thu nhập khác	2.351.523.149	4.300.385.637
Cộng	6.994.797.147	7.016.045.267

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. Chi phí khác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	4.432.320	603.441.128
Chi phí cho thuê thiết bị	449.790.388	498.988.684
Giá vốn từ bán vật liệu xây lắp cho các công ty con	834.353.062	836.812.334
Điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước năm 2011	-	57.900.000
Chi phí khác	2.231.867.584	4.170.919.157
Cộng	3.520.443.354	6.168.061.303

/// ** M c //

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012			Năm 2011		
	Hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm bất động sản) VND	Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở VND	Cộng VND	Hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm bất động sản) VND	Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở VND	Cộng VND
Lợi nhuận trước thuế	609.397.596	(391.977.984)	217.419.612	9.728.630.259	1.422.741.844	11.151.372.103
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(5.554.924.000)	-	(5.554.924.000)	(5.967.382.333)	-	(5.967.382.333)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	5.602.924.000	-	5.602.924.000	6.039.382.333	-	6.039.382.333
+ Cổ tức đã nhận trong năm	5.602.924.000	-	5.602.924.000	6.039.382.333	-	6.039.382.333
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	48.000.000	-	48.000.000	72.000.000	-	72.000.000
+ Chi thù lao Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	48.000.000	-	48.000.000	72.000.000	-	72.000.000
Thu nhập chịu thuế	(4.945.526.404)	(391.977.984)	(5.337.504.388)	3.761.247.926	1.422.741.844	5.183.989.770
Thuế suất hiện hành	25%	25%		25%	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	940.311.982	355.685.461	1.295.997.443
Điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2011	-	-	-	57.900.000	-	57.900.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	998.211.982	355.685.461	1.353.897.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	217.419.612	9.797.474.660
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành đầu năm	10.889.977	10.997.977
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành cuối năm	10.889.977	10.889.977
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.889.977	10.925.648
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	897

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.529.529.259	7.094.830.845
Chi phí nhân công	50.332.967.720	42.276.042.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.862.440.495	5.554.542.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	411.591.923.467	475.898.726.386
Chi phí khác bằng tiền	22.056.858.570	27.009.942.665
Cộng	493.373.719.511	557.834.084.449

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12 và V.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	15.992.722.848	12.510.882.548
Phải thu khách hàng và phải thu khác	169.433.535.511	150.878.863.582
Đầu tư ngắn hạn	-	5.550.000
Đầu tư dài hạn	724.642.000	700.000.000
Cộng	186.150.900.359	164.095.296.130
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	143.616.002.705	109.223.259.061
Phải trả người bán và phải trả khác	160.141.127.907	178.684.425.286
Chi phí phải trả	2.438.680.075	16.613.185.252
Cộng	306.195.810.687	304.520.869.599

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

2
7
-
24
24
2
1
{
-
A
2

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGSTầng 3 nhà HH2, P.Yên Hòa
Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	160.141.127.907	-	160.141.127.907
Chi phí phải trả	2.438.680.075	-	2.438.680.075
Các khoản vay	140.981.796.571	2.634.206.134	143.616.002.705
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	178.684.425.286	-	178.684.425.286
Chi phí phải trả	16.613.185.252	-	16.613.185.252
Các khoản vay	104.761.222.127	4.462.036.934	109.223.259.061

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.992.722.848	-	15.992.722.848
Phải thu khách hàng và phải thu khác	169.433.535.511	-	169.433.535.511
Đầu tư tài chính	-	724.642.000	724.642.000
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.510.882.548	-	12.510.882.548
Phải thu khách hàng và phải thu khác	150.878.863.582	-	150.878.863.582
Đầu tư tài chính	5.550.000	700.000.000	705.550.000

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm tài chính 2012, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu	96.044.572.259	59.932.816.434
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	-	352.531.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	145.201.943	1.252.459.071
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	62.992.083	37.500.000
Công ty TNHH Phát triển Nhà Viettel Hancic	95.836.378.233	58.290.326.363
Thu nhập khác	1.049.835.305	2.276.745.900
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	247.149.394	1.119.943.282
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	674.051.342	1.151.942.618
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	128.634.569	4.860.000
Chi phí thầu phụ	87.845.130.015	134.676.062.454
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	25.455.117.088	92.441.515.478
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	32.663.567.330	33.215.048.301
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	29.726.445.597	9.019.498.675
Các khoản cho vay	-	6.366.086.150
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	-	6.366.086.150
Lãi vay	108.579.545	503.696.388

Hàng năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Cổ tức		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	412.500.000	412.500.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	320.000.000	120.000.000
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	260.000.000	571.458.333
Công ty TNHH Phát triển Nhà Vietel Hancic	4.610.424.000	4.610.424.000
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Phát triển Nhà Vietel Hancic	22.610.020.910	6.714.319.000
Số dư với các bên liên quan:	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các khoản phải trả	48.985.293.144	48.865.672.365
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	25.065.324.138	27.058.789.701
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	19.812.760.162	19.499.845.304
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	4.107.208.844	2.307.037.360
Các khoản phải trả tiền vay		
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	-	3.600.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hội đồng quản trị		201.000.000	270.000.000
Cao Tùng Lâm	Chủ tịch HĐQT	69.000.000	78.000.000
Trịnh Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	33.000.000	51.000.000
Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT	33.000.000	51.000.000
Trần Huy Tường	Thành viên HĐQT	33.000.000	45.000.000
Bùi Quang Bách	Thành viên HĐQT	15.000.000	45.000.000
Nguyễn Phú Dũng	Thành viên HĐQT	18.000.000	-
Ban kiểm soát		63.000.000	85.500.000
Nguyễn Thị Lan	Trưởng BKS	33.000.000	49.500.000
Tào Minh Dương	BKS	15.000.000	18.000.000
Nguyễn Thị Thu Thủy	BKS	15.000.000	18.000.000
Ban Giám đốc		1.356.624.336	1.647.800.000
Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc	472.766.667	593.600.000
Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	239.683.333	299.500.000
Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	286.163.509	306.800.000
Bùi Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc	120.960.000	148.400.000
Trần Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc	237.050.827	299.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
Tầng 3 nhà HH2, P. Yên Hòa
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được kiểm toán.



Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Ngô Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trần Phương Hiền
Người lập